

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUMCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 06 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Định giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 34/2024/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông báo số 1885/TB-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 194/TTr-SYT ngày 15 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum³ (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này theo quy định.

³ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 04 tháng 02 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các sở, ngành, đơn vị liên quan phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Y Ngọc

Phụ lục
ĐỊNH GIÁ CỤ THỂ DỊCH VỤ KIỂM DỊCH Y TẾ TẠI CƠ SỞ Y TẾ
CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Kèm theo Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Danh mục	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản	Đơn vị tính	Mức giá
I	Diệt côn trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)			
1	Diệt côn trùng Container 20 fit	Diệt côn trùng bằng hóa chất, tính trên 01 container.	USD/Container	14
2	Diệt côn trùng Container 40 fit	Diệt côn trùng bằng hóa chất, tính trên 01 container.	USD/Container	28
3	Diệt côn trùng kho hàng	Diệt côn trùng cho kho hàng bằng hóa chất, tính trên m ³ kho hàng.	USD/m ³ kho hàng	0,14
4	Diệt côn trùng đối với phương tiện đường bộ các loại trọng tải dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)	Diệt côn trùng đối với phương tiện vận tải đường bộ bằng phun hóa chất, tính trên 01 phương tiện.	Đồng/ phương tiện	21.000
5	Diệt côn trùng đối với phương tiện đường bộ các loại trọng tải từ 5 tấn trở lên (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)	Diệt côn trùng đối với phương tiện vận tải đường bộ bằng phun hóa chất, tính trên 01 phương tiện.	Đồng/ phương tiện	65.000
II	Khử trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)			
6	Khử trùng kho hàng, container các loại	Khử trùng kho hàng, container các loại bằng hóa chất, tính trên m ² diện tích khử trùng.	USD/m ² diện tích khử trùng	0,4
7	Khử trùng phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)	Xử lý y tế phun khử trùng bằng hóa chất, chế phẩm diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế đối với phương tiện đường bộ các loại qua lại biên	Đồng/ phương tiện	25.000

TT	Danh mục	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản	Đơn vị tính	Mức giá
		giới tải trọng dưới 5 tấn, tính trên 01 phương tiện.		
8	Khử trùng phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng từ 5 tấn đến 30 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)	Xử lý y tế phun khử trùng bằng hóa chất, chế phẩm diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế đối với phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng từ 5 tấn đến 30 tấn, tính trên 01 phương tiện.	Đồng/ phương tiện	40.000
9	Khử trùng phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng trên 30 tấn	Xử lý y tế phun khử trùng bằng hóa chất, chế phẩm diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế đối với phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng trên 30 tấn, tính trên 01 phương tiện.	Đồng/ phương tiện	55.000
III	Kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người			
10	Kiểm tra y tế đối với tro cốt	Kiểm tra giấy tờ, kiểm tra thực trạng vệ sinh, điều kiện vận chuyển tro cốt, tính trên 01 lần kiểm tra.	USD/lần kiểm tra	5
11	Kiểm tra y tế đối với hài cốt	Kiểm tra giấy tờ, kiểm tra thực trạng vệ sinh, điều kiện vận chuyển hài cốt, tính trên 01 lần kiểm tra.	USD/lần kiểm tra	7
12	Kiểm tra y tế đối với thi thể	Kiểm tra giấy tờ, kiểm tra thực trạng vệ sinh, điều kiện vận chuyển thi thể, tính trên 01 lần kiểm tra.	USD/lần kiểm tra	20
13	Xử lý vệ sinh hài cốt	Khử trùng hài cốt bằng hóa chất, chế phẩm diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế, đơn vị tính: 01 bộ hài cốt, tính trên 01 lần xử lý.	USD/lần xử lý	14

TT	Danh mục	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản	Đơn vị tính	Mức giá
14	Xử lý vệ sinh thi thể	Khử trùng thi thể bằng hóa chất, chế phẩm diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế, đơn vị tính: 01 bộ thi thể, tính trên 01 lần xử lý.	USD/lần xử lý	40
15	Kiểm tra y tế đối với các mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người.	Kiểm tra giấy tờ, kiểm tra thực trạng vệ sinh, điều kiện vận chuyển, tính trên 01 lần kiểm tra/01 kiện, lô mẫu, sản phẩm, mô, bộ phận.	USD/lần kiểm tra/kiện, lô mẫu, sản phẩm, mô, bộ phận	6,5
IV	Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ		Theo kiện, xe, hàng hóa rời, khuôn, vắc	
16	Kiểm tra y tế hàng hoá xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ dưới 5 tấn	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin hàng hóa) và kiểm tra y tế đối với hàng hóa. Tính trên 01 lần kiểm tra.	Đồng /lần kiểm tra	35.000
17	Kiểm tra y tế hàng hoá xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ từ 5 tấn đến 10 tấn	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin hàng hóa) và kiểm tra y tế đối với hàng hóa. Tính trên 01 lần kiểm tra.	Đồng /lần kiểm tra	50.000
18	Kiểm tra y tế hàng hoá xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ từ trên 10 tấn đến 15 tấn	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin hàng hóa) và kiểm tra y tế đối với hàng hóa. Tính trên 01 lần kiểm tra.	Đồng /lần kiểm tra	60.000
19	Kiểm tra y tế hàng hoá xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ từ trên 15 tấn đến 30 tấn	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin hàng hóa) và kiểm tra y tế đối với hàng hóa. Tính trên 01 lần kiểm tra.	Đồng /lần kiểm tra	75.000
20	Kiểm tra y tế hàng hoá xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ từ trên 30 tấn đến 60 tấn	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin hàng hóa) và kiểm tra y tế đối với hàng	Đồng /lần kiểm tra	80.000

TT	Danh mục	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản	Đơn vị tính	Mức giá
		hóa. Tính trên 01 lần kiểm tra.		
21	Kiểm tra y tế hàng hoá xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ từ trên 60 tấn đến 100 tấn	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin hàng hóa) và kiểm tra y tế đối với hàng hóa. Tính trên 01 lần kiểm tra.	Đồng /lần kiểm tra	110.000
22	Kiểm tra y tế hàng hoá xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ từ trên 100 tấn	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin hàng hóa) và kiểm tra y tế đối với hàng hóa. Tính trên 01 lần kiểm tra.	Đồng /lần kiểm tra	140.000
23	Kiểm tra y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ lô/kiện dưới 10 kg	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin hàng hóa) và kiểm tra y tế đối với hàng hóa. Tính trên 01 lần kiểm tra.	Đồng /lần kiểm tra	7.000
24	Kiểm tra y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ lô/kiện từ 10 kg đến 100 kg	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin hàng hóa) và kiểm tra y tế đối với hàng hóa. Tính trên 01 lần kiểm tra.	Đồng /lần kiểm tra	15.000
25	Kiểm tra y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ lô/kiện trên 100 kg	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin hàng hóa) và kiểm tra y tế đối với hàng hóa. Tính trên 01 lần kiểm tra.	Đồng /lần kiểm tra	20.000
V	Kiểm dịch y tế phương tiện xuất, nhập, quá cảnh			
26	Kiểm tra y tế phương tiện xuất, nhập, quá cảnh đối với phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng dưới 5 tấn	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin phương tiện) và kiểm tra y tế đối với phương tiện. Tính trên 01 lần kiểm tra/01 phương tiện.	Đồng/lần/xe	25.000
27	Kiểm tra y tế phương tiện xuất, nhập, quá cảnh đối với phương tiện đường bộ	Thu thập thông tin (đối tượng khai báo, tờ khai, thông tin phương tiện) và	Đồng/lần/xe	35.000

TT	Danh mục	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản	Đơn vị tính	Mức giá
	các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng từ 5 tấn trở lên	kiểm tra y tế đối với phương tiện. Tính trên 01 lần kiểm tra/01 phương tiện.		
VI	Tiêm chủng, áp dụng biện pháp dự phòng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng (Mức thu không bao gồm tiền vắc xin, thuốc, khẩu trang)			
28	Tiêm chủng vắc xin Sốt vàng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế (không bao gồm vắc xin)	Thực hiện các thao tác tiêm chủng theo quy định và cấp giấy chứng nhận. Tính theo 01 lần tiêm.	USD/lần	8
29	Tiêm chủng (vắc xin đường uống, đường tiêm), áp dụng biện pháp dự phòng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng (gồm lần đầu, tái chủng, theo lịch, kiểm tra cấp lại chứng nhận tiêm chủng quốc tế)	Thực hiện các thao tác tiêm chủng theo quy định và cấp giấy chứng nhận. Tính theo 01 lần tiêm.	Đồng/lần	85.000

*** Lưu ý:**

1. Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (theo quy định tại khoản 9 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng và văn bản sửa đổi, bổ sung);

2. Đối với giá niêm yết bằng Đô la Mỹ, trường hợp tổ chức, cá nhân thanh toán bằng Đồng Việt Nam thì quy đổi Đô la Mỹ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thu tiền dịch vụ hoặc cuối ngày làm việc liền trước ngày lễ, ngày nghỉ./.